

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 06-3-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Kơ Ria Trâm.
- Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Dung; Thư ký Toà án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/HSST ngày 16/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 23/2/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/12/1989, tại Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: xóm D, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Văn N, sinh năm 1953 và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950 hiện đang ở tại xóm D, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An; A, chị ruột có 04 người, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1982, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Chưa đăng ký kết hôn; Con: có 02 người sinh đôi ngày 19/12/2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 184/2019/HSST ngày 07/8/2019, Đặng Văn T bị Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đặng Văn T chấp h xong hình phạt tù ngày 24/11/2020, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/3/2020, đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 26/10/2023 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Trương Quốc T2; Sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông [Trần Quốc V](#); Sinh năm 1981; Nơi cư trú: [thôn Á, xã L, thành phố B, Lâm Đồng](#). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên [Đặng Văn T](#) nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, vào khoảng 06h00, ngày 25/10/2023, [Đặng Văn T](#) thấy [Trương Quốc T2](#), là người ở cùng phòng trọ với [T](#) tại nhà trọ của ông [Đặng Thái P](#) ở [thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#), đang ngủ, [T](#) dậy lục ví tiền của [T2](#) lấy số tiền 4.300.000đ, giấy đăng ký xe mô tô biển số 47B2 – 162.59 và lấy chìa khoá xe mô tô của [T2](#). Sau đó, [T](#) ra khỏi phòng, thấy bao đựng cụ để ở cửa phòng Thế mà trước đó [T](#) mượn của ông [Trần Quốc V](#) để sửa chuồng gà cho ông [Đặng Thái P](#) nhưng sau khi sửa xong thì phòng chứa đồ của ông [V](#) khóa cửa nên [T](#) đã cất bao đựng dụng cụ vào phòng của [T](#). Thế lấy bao đựng cụ đặt lên xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade biển số 47B2 – 162.59 của [T2](#) dựng ở trước cửa phòng rồi điều khiển xe đi về [thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#). Đến khoảng 13h00 ngày 26/10/2023, [Đặng Văn T](#) đến [công an xã T, huyện Đ](#) để đầu thú về hành vi và giao nộp lại toàn bộ số tài sản mà [T](#) đã trộm vào ngày 25/10/2023.

Tại kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: Xe mô tô hiệu Honda Airblack, màu xanh bạc đen, BKS 47B2 – 162.59, có giá trị là 19.200.000đ. Như vậy tổng giá trị tài sản [Đặng Văn T](#) trộm của ông [Trương Quốc T2](#) là 23.500.000đ.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-ĐD ngày 16/2/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương truy tố bị can [Đặng Văn T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Đặng Văn T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo [Đặng Văn T](#) từ 15 đến 18 tháng tù.

Bị cáo [T](#) không khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận: vào khoảng 06h00, ngày 25/10/2023, bị cáo [T](#) thấy [Trương Quốc T2](#), là người ở cùng phòng trọ với [T](#) tại nhà trọ của ông [Đặng Thái P](#) ở [thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng](#), đang ngủ, bị cáo dậy lục ví tiền của [T2](#) lấy số tiền 4.300.000đ, giấy đăng ký xe mô tô và lấy chìa khoá xe mô tô của [T2](#). Sau đó, bị cáo ra khỏi phòng, lấy bao đựng cụ để ở cửa phòng mà trước đó [T](#) mượn của ông [Trần Quốc V](#) để sửa chuồng gà cho ông [Đặng Thái P](#) đặt lên xe mô tô hiệu Honda, loại Air Blade biển số 47B2 – 162.59 của [T2](#) dựng ở trước cửa phòng rồi điều khiển xe đi về [thành phố B, tỉnh Đồng Nai](#), lúc này khoảng 15 giờ, bị cáo nhận thấy việc mình làm là sai trái nên sáng hôm sau bị cáo chạy xe lên [Đ](#). Đến khoảng 13h00 ngày 26/10/2023, bị cáo [T](#) đến [công an xã T, huyện Đ](#) để đầu thú về hành vi và giao nộp lại toàn bộ số tài sản mà [T](#) đã trộm.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện Đ](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện Đ](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào ngày 25/10/2023, tại [thôn C, xã T, huyện Đ](#), [Đặng Văn T](#) đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Air Balde, biển kiểm soát 47B2 – 162.59 và số tiền 4.300.000đ của anh [Trương Quốc T2](#). Tổng trị giá tài sản là 23.500.000đ.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 23.500.000đ nêu trên của [Đặng Văn T](#) đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tài sản sử dụng nên vẫn thực hiện. Xét tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có ý định từ trước, bị cáo lợi dụng sơ hở thực hiện trộm cắp, thể hiện tính liều lĩnh, coi thường pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét hành vi của bị cáo là liều lĩnh, coi thường pháp luật. Tình hình trộm cắp xảy ra tại địa phương ngày càng tăng, gây hoang mang trong nhân dân. Bản thân bị cáo đã bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cải tạo, nhằm đảm bảo đấu tranh và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 054018, 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Air Balde, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 47B2 – 162.59, số máy JF63E1503618, số khung 6307FZ149530 và số tiền 4.300.000đ xác định là

tài sản của anh [Trương Quốc T2](#), Cơ quan CSĐT [công an huyện Đ](#) đã trả lại cho anh [Trương Quốc T2](#).

01 máy hàn màu xanh hiệu lessen, 01 máy khoan màu xanh đen hiệu Makita 800w, 01 máy khoan cầm tay màu vàng đen hiệu Hukan, 01 máy khoan màu xanh hiệu Makita 710w, 01 máy cắt cầm tay màu đỏ đen (không rõ hiệu), 01 máy cắt bàn màu xanh hiệu Makita 2000w, 01 máy cắt cầm tay màu xanh đen hiệu Dekton xác định là tài sản của ông [Trần Quốc V](#), Cơ quan CSĐT [công an huyện Đ](#) đã trả lại cho ông [Trần Quốc V](#).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị mất anh [Trương Quốc T2](#), ông [Trần Quốc V](#) không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Đối với hành vi [Đặng Văn T](#) lấy các tài sản gồm 03 máy cắt, 03 máy khoan, 01 máy hàn của ông [Trần Quốc V](#) cho [T](#) mượn trước đó để sửa chuồng gà cho ông [Đặng Thái P](#) nhưng đến ngày 26/10/2023, [T](#) đã tự nguyện giao nộp lại số tài sản trên cho cơ quan công an để trả lại cho ông [V](#). Xét thấy hành vi lấy tài sản nêu trên của [T](#) chưa đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Đặng Văn T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo [Đặng Văn T](#) 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 26/10/2023)

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo [Đặng Văn T](#) phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án DS, HS huyện Đơn Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

